TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẤT ĐỎ** **TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **59**/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 08-10-2020
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Duy Đạt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thuận

Bà Võ Thị Ánh Nguyệt

-Thư ký phiên toà: Bà Trương Thị Hoàn-Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 08-10-2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 260/2020/TLST-HNGĐ 20/8/2020 về tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 22-9-2020, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Kim H, sinh năm 1992; HKTT: tổ 40, ấp 1, xã 3, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; (có mặt)

-Bị đơn: Ông Hoàng K, sinh năm 1982; HKTT: tổ 40, ấp 1, xã 3, huyện 3, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Kim H trình bày:

Về hôn nhân: Bà H và ông K tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau từ năm 2013, được UBND xã Phước Tân, huyện Xuyên Mộc cấp giấy chứng nhận kết hôn số 44 ngày 22/3/2013. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có tổ chức hỏi cưới. Sau khi lấy nhau vợ chồng về chung sống tại tổ 40, ấp 1, xã 3,

huyện 3. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2020 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do ông K cờ bạc đẫn đến bà phải trả nợ nhiều lần; khi vợ chồng mâu thuẫn cha mẹ ông K đã đến chửi bới xúc phạm cha mẹ bà và bà nên vợ chồng chung sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng thêm trầm trọng. Từ đầu tháng 9/2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, vợ chồng không còn sống chung, mạnh ai lấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau; bà H xác định không còn tình cảm với ông K, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông K.

Về con chung: Bà H và ông K có 02 con chung là Hoàng Khánh A, sinh ngày 05/8/2013 và Hoàng Khánh L, sinh ngày 26/9/2017, hiện đang sống cùng bà H; bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng cho con.

Bà H hiện đang làm phụ hồ cho công trình xây dựng, thu nhập trung bình mỗi ngày 250.000 đồng nên đủ khả năng nuôi dưỡng cho 02 con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H và ông K có tài sản chung, nợ chung nhưng tự thỏa thuận được với nhau nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài liệu chứng cứ: Nguyên đơn bà H đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ, gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, giấy khai sinh con, chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu gia đình, giấy xác nhận địa chỉ cư trú của bị đơn.

-Bị đơn ông Hoàng K trình bày:

Về hôn nhân: Ông K thống nhất với bà H về thời điểm sống chung thời điểm kết hôn và con chung, tài sản chung như bà H trình bày.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Ông K cho rằng ông có cờ bạc nợ nần nhưng tài sản để trả nợ là tiền do ông tự làm ra và bán cái xe trước đây do ông tự mua, ông không lấy tài sản của vợ chồng để trả nợ như bà H trình bày; ông xác định mâu thuẫn vợ chồng là có thật, nguyên nhân do bà H để con chơi điện thoại quá nhiều không tập trung vào việc học nên ông la con dẫn đến cự cãi với vợ và cha mẹ vợ, ông muốn về đoàn tụ cùng bà H nhưng gia đình vợ ngăn cản không cho ông về sống chung do nhà làm trên đất gia đình vợ cho nên ông cũng không có phương án nào khác hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ khi ly thân đến nay ông vẫn nhắn tin quan tâm đến bà H hàng ngày; trước đây khi còn ở huyện Xuyên Mộc, ông và bà H có 01 đứa con trai nhưng bị đuối nước chết nên đã bán hết để chuyển về huyện Đất Đỏ sống, ông K khẳng định vẫn còn yêu thương bà H, nếu ly hôn ông không có chỗ ở nào khác nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Ông K đồng ý giao 02 con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, ông K không cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông K đồng thống nhất không yêu cầu Toà

án giải quyết

-Qúa trình tố tụng: Cháu Hoàng Khánh A có nguyện vọng được sống cùng bà H; Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;

-Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Việc Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ thụ lý vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, HĐXX cũng như việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng trong vụ án này đúng theo những quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Về yêu cầu của nguyên đơn thì thấy, hôn nhân giữa bà H và ông K là hôn nhân hoàn toàn hợp pháp, có cơ sở xác định giữa hai bên có mâu thuẫn, bất đồng trong cuộc sống, hai bên đã ly thân, trong thời gian ly thân hai bên không hòa giải để hàn gắn tình cảm với nhau được, vì thế hai bên không thể về chung sống hạnh phúc bên nhau, mục đích hôn nhân không đạt; ông K muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H. Bà H và ông K có 02 con chung là Hoàng Khánh A, sinh ngày 05/8/2013 và Hoàng Khánh L, sinh ngày 26/9/2017, hiện đang sống cùng bà H; ông K đồng ý giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng nên có căn cứ ghi nhận. Bà H, ông K không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung nên không xem xét. Từ phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Bà H yêu cầu ly hôn với ông K, yêu cầu giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng nên xác định đây là quan hệ tranh chấp về "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

[1.2] Về thẩm quyền: Theo đơn khởi kiện và lời khai của bị đơn, nên căn cứ vào quy định tại điểm điểm a khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 04/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao có đủ cơ sở xác định địa chỉ cư trú của bị đơn ông K là tổ 40, ấp 1, xã 3, huyện 3 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu theo a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà H và ông K có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân UBND xã Phước Tân, huyện Xuyên Mộc cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (BL 06), theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình thì hôn nhân giữa bà H, ông K là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về mâu thuẫn: Bà H, ông K xác nhận vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 8/2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, quan điểm nuôi dạy con cái và do hai bên gia đình ngăn cản khiến vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc; bà H và ông K không còn sống chung và từ tháng 9/2020 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, mạnh ai lấy sống. Cho thấy, mâu thuẫn giữa bà H và ông K đã thật sự trầm trọng, tình cảm tuy còn, nhưng từ một phía nên mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H đối với ông K.

[2.3] Về nuôi con chung: Bà H và ông K có 02 con chung là Hoàng Khánh A, sinh ngày 05/8/2013 và Hoàng Khánh L, sinh ngày 26/9/2017, hiện đang sống cùng bà H. Bà H và ông K thống nhất giao 02 con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành nên HĐXX ghi nhận.

[2.4] Về cấp dưỡng cho con: Do bà H, ông K không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.5] Về tài sản chung và nợ chung: Do bà H, ông K không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[2.6] Về tài liệu chứng cứ: Các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 95 BLTTDS nên được chấp nhận.

Theo quy định khoản 2 và 4 Điều 91 BLTTDS ông K có nghĩa vụ đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo về quyền lợi của mình. Do đó HĐXX chỉ xem xét theo lời thừa nhận của các bên và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn giao nộp, tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập là phù hợp với quy định tại các Điều 93, 94, 95, 96 BLTTDS.

[3] Về án phí: Đối với vụ án hôn nhân và gia đình thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên bà H phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

[4] Về kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự và Viện kiểm sát nhân dân được quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định BLTTDS.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

-Các Điều 19, 51, 56, 57, 59, 60, 81, 82, 83, 84, 85, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

-Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 173, 177, 179, 227, 228, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Kim H đối với ông Hoàng K.

1.1. Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Kim H được ly hôn với ông Hoàng K.

1.2. Về con chung: Ghi nhận việc bà Huỳnh Thị Kim H được quyền trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Hoàng Khánh A, sinh ngày 05/8/2013 và Hoàng Khánh L, sinh ngày 26/9/2017 cho đến khi lần lượt các con chung trưởng thành (18 tuổi) hoặc đến khi phát sinh căn cứ pháp lý làm chấm dứt quyền và nghĩa vụ nuôi con theo quy định pháp luật. Ông K không phải cấp dưỡng cho con do bà H không có yêu cầu.

Sau khi ly hôn bà H, ông K đều có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Ông K có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà bà H và nhưng người thân thích không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì quyền lợi của con chung, trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng cho con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H, ông K không yêu cầu Toà án giải quyết.

2. Về án phí:

- Bà Huỳnh Thị Kim H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số TU/2020/0000907 ngày 18-8-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đất Đỏ. Bà H đã nộp đủ án phí.

- Ông Hoàng K không phải chịu án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp được quyền kháng cáo, kháng nghị bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày; VKSND cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08-10-2020).

4. Về thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh BR-VT;
-VKSND tỉnh BR-VT;
-VKSND huyện Đất Đỏ;
-Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
-UBND xã 1 (CNKH 44 ngày 22/3/2013);
-Người tham gia tố tụng;
-Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Đạt